

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XE KHÁCH SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 28

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## 1. Thông tin chung

Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn, được thành lập theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển thể từ Công ty nhà nước Công ty xe khách Sài Gòn thành Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty được chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo giấy phép số 4104000165 (số hiện nay là 0300478044) ngày 21 tháng 4 năm 2006, và các chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở, trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản);
- Và các dịch vụ khác.

Các xí nghiệp hạch toán phụ thuộc:

### Xí nghiệp

### Địa chỉ

Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Du lịch – Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Trung tâm Đào tạo và Sát hạch Lái xe	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 2	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 3	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 4	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 5	Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 6	Số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Xí nghiệp Vận tải Số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM
	Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM

## 2. Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

### Hội đồng thành viên

Ông	Đoàn Minh Tâm	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông	Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Bầy	Thành viên
Bà	Trần Tuyết Nhung	Thành viên – Kế toán trưởng

**Ban Tổng Giám Đốc**

Ông	Đoàn Minh Tâm	Tổng giám đốc
Ông	Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông	Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

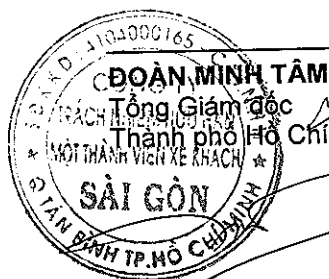
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013

Số : 24/2013/BCKT-HCM.00380

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của  
Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

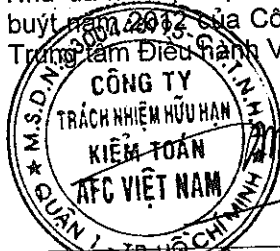
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên mà chỉ muốn lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục 5.1 của thuyết minh Báo cáo tài chính doanh thu trợ giá đối với hoạt động xe buýt năm 2012 của Công ty, sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm khi có quyết toán chính thức của Trung tâm Điều hành Vận tải Hành khách Công cộng.



**ĐẶNG THỊ MỸ VAN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

**HOÀNG LAN HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 2207/KTV

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

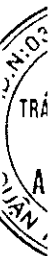
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>144.660.686.785</b>	<b>158.831.430.568</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>21.692.274.305</b>	<b>9.169.197.695</b>
Tiền	111		21.692.274.305	9.169.197.695
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>103.854.319.629</b>	<b>128.353.002.568</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	14.437.862.221	13.356.455.856
Trả trước cho người bán	132	4.3	7.073.244.556	13.467.084.033
Các khoản phải thu khác	135	4.4	87.312.948.011	106.303.665.323
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.969.735.159)	(4.774.202.644)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>13.488.835.708</b>	<b>11.960.901.636</b>
Hàng tồn kho	141		13.488.835.708	11.960.901.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.625.257.143</b>	<b>9.348.328.669</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.673.818	467.270.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	-	2.746.249.239
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.208.525.325	6.134.809.430



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>412.810.647.747</b>	<b>560.950.281.823</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.912.871.060</b>	<b>146.055.168.319</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		72.912.871.060	146.055.168.319
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>315.679.686.614</b>	<b>388.049.191.479</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	313.072.569.517	385.824.381.617
Nguyên giá	222		859.819.523.512	864.318.634.884
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(546.746.953.995)	(478.494.253.267)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	4.7	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.607.117.097	2.224.809.862
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.8	-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.9	<b>22.007.742.521</b>	<b>22.007.742.521</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.007.742.521	22.007.742.521
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.210.347.552</b>	<b>4.838.179.504</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.205.347.552	4.838.179.504
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>557.471.334.532</b>	<b>719.781.712.391</b>

44  
ĐƠN  
NHIỆ  
S.M  
VIỆ  
TP.1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>386.113.187.198</b>	<b>554.439.060.588</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248.924.381.587</b>	<b>271.401.572.468</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		178.505.021.394	215.382.067.921
Phải trả cho người bán	312	4.11	24.392.028.776	21.104.584.045
Người mua trả tiền trước	313	4.12	268.981.000	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	699.058.603	6.296.046.820
Phải trả công nhân viên	315		21.358.904.136	15.382.142.523
Chi phí phải trả	316		585.292.615	1.822.095.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	19.220.013.280	10.614.266.184
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	3.895.081.783	800.369.038
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>137.188.805.611</b>	<b>283.037.488.120</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		3.221.444.500	3.079.700.000
Vay và nợ dài hạn	334		133.967.361.111	279.173.295.161
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	232.220.232
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	552.272.727
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>171.358.147.334</b>	<b>165.342.651.803</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16	<b>171.358.147.334</b>	<b>165.342.651.803</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		167.670.709.460	110.396.021.110
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	4.898.458.768
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.687.437.874	2.482.279.887
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	47.565.892.038
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>557.471.334.532</b>	<b>719.781.712.391</b>

15-C  
Y  
JUHA  
IN  
AM  
CHI




CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

  
TRẦN TUYẾT NHUNG  
Kế toán trưởng



  
ĐOÀN MINH TÂM  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
 Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>636.417.745.361</b>	<b>746.133.628.813</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	636.417.745.361	746.133.628.813
Giá vốn hàng bán	11	5.2	527.087.338.093	641.018.394.122
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>109.330.407.268</b>	<b>105.115.234.691</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	300.694.106	265.947.886
Chi phí tài chính	22	5.4	11.097.693.648	14.454.393.046
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		11.097.693.648	12.698.063.124
Chi phí bán hàng	24	5.5	24.701.107.281	19.044.148.976
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	73.101.555.390	77.475.367.297
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>730.745.055</b>	<b>(5.592.726.742)</b>
Thu nhập khác	31	5.7	21.204.886.525	16.879.305.627
Chi phí khác	32	5.8	6.107.455.772	3.825.543.790
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>15.097.430.753</b>	<b>13.053.761.837</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15.828.175.808</b>	<b>7.461.035.095</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	4.254.303.226	5.286.768.670
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.573.872.582</b>	<b>2.174.266.425</b>



**TRẦN TUYẾT NHUNG**  
 Kế toán trưởng



**ĐOÀN MINH TÂM**  
 Tổng Giám đốc

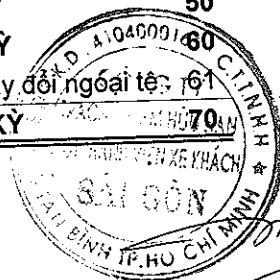
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.828.175.808	7.461.035.095
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	82.446.797.278	75.920.608.936
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	195.532.515	2.180.702.644
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.482.692.022)	(1.625.157.216)
Chi phí lãi vay	06	11.097.693.648	12.698.063.124
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>106.085.507.227</b>	<b>96.635.252.583</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	100.645.547.444	59.988.528.306
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.527.934.072)	15.737.869.258
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	18.220.901.714	25.589.221.713
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.683.370.134	(828.599.572)
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.125.733.071)	(11.391.578.923)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.025.233.895)	(2.124.735.360)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	235.444.500	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.335.374.781)	(2.810.730.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>200.856.495.200</b>	<b>180.795.227.240</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.538.930.863)	(101.979.736.589)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	5.986.400.909	2.801.454.547
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	580.760.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	302.091.941	265.947.886
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.250.438.013)</b>	<b>(98.331.574.156)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	13.973.613.505
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	139.225.212.808	105.157.749.793
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(321.308.193.385)	(203.363.863.338)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(182.082.980.577)</b>	<b>(84.232.500.040)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>12.523.076.610</b>	<b>(1.768.846.956)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>9.169.197.695</b>	<b>10.938.044.651</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>21.692.274.305</b>	<b>9.169.197.695</b>

TRẦN TUYẾT NHUNG  
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TAM  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên, được thành lập theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi từ Công ty nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn.

Công ty được chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo giấy phép số 4104000165 (số hiện nay là 0300478044) ngày 21 tháng 4 năm 2006, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay lần thứ 10 vào ngày 19 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở, trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản);
- Và các dịch vụ khác.

Các xí nghiệp hạch toán phụ thuộc:

### Xí nghiệp

### Địa chỉ

Xí nghiệp Sửa chữa Ô tô  
Xí nghiệp Du lịch – Lữ hành  
(Saigonbus Travel)  
Trung tâm Đào tạo và Sát hạch Lái xe  
Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch Sapaco  
Xí nghiệp Vận tải Số 1  
Xí nghiệp Vận tải Số 2  
Xí nghiệp Vận tải Số 3  
Xí nghiệp Vận tải Số 4  
Xí nghiệp Vận tải Số 5  
Xí nghiệp Vận tải Số 6  
Xí nghiệp Vận tải Số 7

Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, TP.HCM  
Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM  
Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 01 Phạm Hồng Thái, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM  
Số 343/20 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP.HCM

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 1739 người (31 tháng 12 năm 2011 là 1847 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tài chính được trình bày bằng VND, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 49 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 08 năm
Tài sản khác	05 – 08 năm

### 3.5 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư vào công ty Liên doanh, Liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

### 3.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa phương tiện vận tải được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa phương tiện vận tải phân bổ trong thời gian 2 - 3 năm.

### 3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

### 3.9 Chi phí tiền lương

Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐTV ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Tổng Công ty Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (Samco) về đơn giá tiền lương và quỹ lương, phụ cấp, thù lao kế hoạch của viên chức quản lý năm 2012 như sau:

- Hoạt động đóng mới xe buýt: 43.588.000 đồng/xe.
- Dịch vụ vận tải hành khách công cộng: 314,62 đồng/ 1.000 đồng doanh thu.
- Hoạt động tài chính: 314,62 đồng/ 1.000 đồng doanh thu.
- Dịch vụ dạy nghề
- Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, tuyến liên vận quốc tế và kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế: 320 đồng/ 1.000 đồng doanh thu.

### 3.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ những giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu khoản trợ giá đối với hoạt động xe buýt xe được điều chỉnh tăng / (giảm) khi có quyết toán chính thức với Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải Hành khách Công cộng của thành phố vào doanh thu trợ giá của các năm sau.

### 3.11 Thuế

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty có 2 loại doanh thu đó là doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng (là doanh thu vận chuyển hành khách công cộng và doanh thu trợ giá xe buýt) và doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng là doanh thu các hoạt động còn lại.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của công ty áp dụng theo phương thức khấu trừ thuế đầu vào trên tỉ lệ doanh thu chịu thuế và tổng doanh thu.

### 3.12 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (Samco)	TP.HCM	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mercedes – Benz Việt Nam	TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Vận Tải Thành phố	TP.HCM	Công ty đầu tư

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

4.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Tiền mặt tồn quỹ – VND	1.824.029.659	312.550.869
	Tiền gửi ngân hàng – VND	19.868.244.646	8.856.646.826
		<b><u>21.692.274.305</u></b>	<b><u>9.169.197.695</u></b>
4.2	Các khoản phải thu thương mại	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Phải thu khách hàng – bên liên quan	51.738.000	174.689.600
	Phải thu khách hàng – bên thứ ba	14.386.124.221	13.181.766.256
		<b><u>14.437.862.221</u></b>	<b><u>13.356.455.856</u></b>
4.3	Trả trước cho người bán	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Trả trước cho người bán – bên liên quan	16.198.499	-
	Trả trước cho người bán – bên thứ ba (*)	7.057.046.057	13.467.084.033
		<b><u>7.073.244.556</u></b>	<b><u>13.467.084.033</u></b>
	(*) Trả trước người bán bên thứ ba chủ yếu trả trước tiền xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc.		
4.4	Phải thu khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Phải thu tiền vay hộ đến hạn thu 2012	65.958.394.124	77.804.776.262
	Phải thu tiền trợ giá xe buýt	15.477.509.671	21.969.659.315
	Tổng công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam (*)	1.174.610.808	1.174.610.808
	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	652.118.766	699.090.771
	Phải thu lãi vay được hỗ trợ từ ngân sách	136.992.262	530.680.800
	Lãi tiền ký quỹ phải thu của Samco	12.492.246	13.890.081
	Phải thu tiền bán vé tập	3.516.618.225	-
	Khác	384.211.909	840.671.634
	Tiền phạt lái xe, tiếp viên	-	190.260.000
	Cửa hàng xăng dầu số	-	12.952.800
	Bảo hiểm xã hội	-	984.385.004
	Phải thu lãi vay chi hộ	-	2.082.687.848
		<b><u>87.312.948.011</u></b>	<b><u>106.303.665.323</u></b>

(\*) Đây là khoản thu hộ cho Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP. Hồ Chí Minh tiền hỗ trợ thuế trước bạ và phí bảo hiểm khi mua 1318 xe buýt theo dự án đô thị hóa của thành phố (xem thêm thuyết minh mục 4.17)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.5 Dự phòng nợ phải thu khó đòi	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Ô tô Gia Định	(3.985.000.000)	(3.905.000.000)
Nguyễn Thanh Tùng	(487.000.000)	(407.000.000)
Công ty SXKD DV 990	(14.435.475)	(14.435.475)
Công ty TNHH TK Kiến trúc PA	(183.196.000)	(183.196.000)
Công ty CP Tư vấn TK GTVT Phía Nam	(89.230.969)	(89.230.969)
Công ty TNHH TK XD và Môi trường Vạn Xuân	(79.224.000)	(79.224.000)
Các khoản phải thu của tài xế	(131.648.715)	(96.116.200)
	<b><u>(4.969.735.159)</u></b>	<b><u>(4.774.202.644)</u></b>
<b>Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Số dư đầu năm	(4.774.202.644)	(2.593.502.011)
Dự phòng lập trong năm	(195.532.515)	(2.180.702.644)
Số dư cuối năm	<b><u>(4.969.735.159)</u></b>	<b><u>(4.774.202.644)</u></b>
<b>4.6 Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Nguyên vật liệu	9.446.159.587	7.851.032.679
Công cụ dụng cụ	204.662.096	157.616.129
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.838.014.025	3.952.252.828
	<b><u>13.488.835.708</u></b>	<b><u>11.960.901.636</u></b>
<b>4.7 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	258.215
Tạm ứng cho nhân viên	2.016.228.700	2.812.843.765
Đặt cọc – thuê nhà, bến bãi	175.560.500	374.350.400
Đặt cọc – thuê trạm điều hành, lưu đậu xe buýt	165.448.125	96.749.050
Đặt cọc khác	103.680.000	103.000.000
Ký quỹ bảo lãnh khoản vay của Samco	2.747.608.000	2.747.608.000
	<b><u>5.208.525.325</u></b>	<b><u>6.134.809.430</u></b>
<b>4.8 Phải thu dài hạn khác</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP. Hồ Chí Minh	62.870.385.032	120.959.687.067
Công ty TNHH Vận tải TP. Hồ Chí Minh	76.000.880.152	102.900.257.514
Nợ phải thu đến hạn thu năm 2012	(65.958.394.124)	(77.804.776.262)
	<b><u>72.912.871.060</u></b>	<b><u>146.055.168.319</u></b>

Theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 22/01/2003, Quyết định số 990/QĐ-UB ngày 19/03/2003 và Quyết định số 1690/QĐ-UB ngày 20/04/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án "Đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002 – 2003", Công ty vay từ Quỹ đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án; đồng thời chuyển nhượng quyền khai thác xe buýt cho Liên hiệp hợp tác xã vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2012	100.491.588.598	6.531.831.631	749.115.511.044	6.760.633.313	1.419.070.298	864.318.634.884
Tăng trong năm	7.694.156.702	140.560.354	3.917.601.269	334.259.848	70.045.455	12.156.623.628
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(16.655.735.000)	-	-	(16.655.735.000)
Vào ngày 31/12/2012	108.185.745.300	6.672.391.985	736.377.377.313	7.094.893.161	1.489.115.753	<b>859.819.523.512</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2012	22.582.048.964	3.235.349.620	450.029.269.642	1.756.070.279	891.514.763	478.494.253.267
Khấu hao trong năm	4.581.290.965	672.796.586	76.443.791.665	697.026.970	171.391.092	82.566.297.278
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14.194.096.550)	-	-	(14.194.096.550)
Vào ngày 31/12/2012	27.163.339.929	3.908.146.206	512.278.964.757	2.453.097.249	1.062.905.855	<b>546.866.453.995</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 01/01/2012	77.909.539.634	3.296.482.011	299.086.241.402	5.004.563.034	527.555.535	385.824.381.617
Vào ngày 31/12/2012	81.022.405.371	2.764.245.779	224.098.412.556	4.641.795.913	426.209.898	<b>312.953.069.517</b>
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	3.979.336.627	2.003.149.535	3.201.619.815	1.047.810.013	463.924.940	10.695.840.930
Nguyên giá TSCĐ công không trích khấu hao	1.746.462.000	-	-	-	-	1.746.462.000
Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp	10.201.866.703	-	209.892.249.28	-	-	297.367.364.068

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án đầu tư 1318 xe buýt	1.439.017.680	1.290.877.680
Dự án nhà 171 Điện Biên Phủ	348.530.000	348.530.000
Dự án bãi xe 592 Cộng Hòa	190.915.454	32.515.454
Dự án CNG	321.670.235	-
Dự án Hiệp Bình Phước – Thủ Đức	266.067.364	266.067.364
Dự án bãi xe quận 12	40.916.364	40.916.364
Chi phí sửa chữa phương tiện vận tải	-	245.903.000
	<b>2.607.117.097</b>	<b>2.224.809.862</b>

*Tình hình tăng / (giảm) chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu kỳ	2.224.809.862	36.030.583.913
Phát sinh tăng trong kỳ	8.124.553.445	55.361.469.387
Kết chuyển tăng TSCĐ	(7.742.246.210)	(85.587.345.262)
Kết chuyển chi phí trong kỳ	-	(3.579.898.176)
Số dư cuối kỳ	<b>2.607.117.097</b>	<b>2.224.809.862</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
 Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	22.007.742.521	22.007.742.521
Công ty TNHH Vận tải TP. Hồ Chí Minh	-	-
	<u>22.007.742.521</u>	<u>22.007.742.521</u>

Khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4110220000042 ngày 05 tháng 3 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp với thời hạn hoạt động là 25 năm kể từ ngày 14 tháng 12 năm 1993.

Vốn điều lệ: 3.952.650,00 USD.

Vốn góp theo giấy chứng nhận đầu tư

- Giai đoạn từ năm 1993 – 2005 vốn góp liên doanh chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến nay vốn góp liên doanh chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ.

**4.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa phương tiện vận tải	2.205.347.552	4.838.179.504
	<u>2.205.347.552</u>	<u>4.838.179.504</u>
<i>Tình hình tăng/(giảm) chi phí trả trước dài hạn</i>		
	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Số dư đầu năm	4.838.179.504	3.923.954.798
Phát sinh tăng trong năm	2.929.843.003	1.612.885.766
Phân bổ vào chi phí trong năm	(5.562.674.955)	(2.012.798.632)
Số dư cuối năm	<u>2.205.347.552</u>	<u>4.838.179.504</u>

**4.13 Vay và nợ ngắn hạn**

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	(a)	39.531.048.600	39.802.844.994
Nợ dài hạn đến hạn trả	(b)	138.973.972.794	162.579.222.927
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH Một thành viên		-	13.000.000.000
		<u>178.505.021.394</u>	<u>215.382.067.921</u>

(a) Vay của ngân hàng Công Thương Việt Nam- CN Thủ Thiêm theo Hợp đồng vay vốn số 11/2011/HĐTD-PKH ngày 17 tháng 01 năm 2011.

Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND

Kỳ hạn trả nợ: đến ngày 18/01/2013.

Lãi suất vay: Theo phương thức lãi suất cho vay thả nổi.

Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động.

(b) Nợ dài hạn đến hạn trả: xem mục 4.20 thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.14 Phải trả người bán**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả người bán – bên liên quan	-	910.593.702
Phải trả người bán – bên thứ ba (*)	24.392.028.776	20.193.990.343
	<b>24.392.028.776</b>	<b>21.104.584.045</b>

(\*) Chủ yếu phải trả tiền mua xăng dầu chạy xe buýt quý 4 năm 2012.

**4.15 Thuế**

**Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	-	2.746.249.239
	<b>-</b>	<b>2.746.249.239</b>

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	358.439.103	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(94.509.564)	4.771.516.736
Thuế thu nhập cá nhân	335.088.347	77.383.218
Tiền thuê đất	100.040.717	1.436.146.866
Thuế môn bài	-	11.000.000
	<b>699.058.603</b>	<b>6.296.046.820</b>

**4.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Lãi vay phải trả	584.928.979	1.306.484.201
Trích trước chi phí chưa có hóa đơn	363.636	515.611.736
	<b>585.292.615</b>	<b>1.822.095.937</b>

**4.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	12.443.582
Kinh phí công đoàn	389.006.347	603.324.060
Bảo hiểm xã hội	76.458.154	-
Tiền cấp bù lãi vay của Công ty đầu tư tài chính (*)	15.090.267.085	-
Tiền ố m đầu thai sản, tai nạn phải trả	192.687.728	-
Phải trả khác	527.332.000	4.200.618.773
Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP.Hồ Chí Minh (**)	1.619.941.562	1.619.941.562
Lãi vay phải trả cho Công ty đầu tư tài chính của	1.324.320.404	4.177.938.207
- Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải TP.Hồ Chí Minh	625.297.917	2.245.192.606
- Công ty TNHH Vận tải TP.Hồ Chí Minh	699.022.487	1.932.745.601
	<b>19.220.013.280</b>	<b>10.614.266.184</b>

(\*) Công ty đã thanh toán vào ngày 22 tháng 1 năm 2013.

(\*\*) Xem thêm thuyết minh mục 4.4.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khác**

	Số dư đầu năm VND	Điều chỉnh (*) VND	Trích quỹ trong năm VND	Chi quỹ trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Quỹ khen thưởng	454.811.213	-	1.729.708.980	(277.563.999)	1.906.956.194
Quỹ phúc lợi	589.425.532	628.969.890	3.643.582.042	(2.860.134.368)	2.001.843.096
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(243.867.707)	459.838.200	96.312.000	(326.000.000)	(13.717.507)
	<u>800.369.038</u>	<u>1.088.808.090</u>	<u>5.469.603.022</u>	<u>(3.463.698.367)</u>	<u>3.895.081.783</u>

(\*) Điều chỉnh tăng theo biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2011 của chi cục tài chính doanh nghiệp.

**4.19 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ký quỹ – lái xe, tiếp viên	1.298.500.000	1.354.900.000
Ký quỹ khác	1.922.944.500	1.724.800.000
	<u>3.221.444.500</u>	<u>3.079.700.000</u>

**4.20 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.Hồ Chí Minh	272.941.333.905	441.752.518.088
Nợ dài hạn đến hạn trả	(138.973.972.794)	(162.579.222.927)
	<u>133.967.361.111</u>	<u>279.173.295.161</u>

Chi tiết các hợp đồng vay như sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Thời hạn trả nợ	Lãi suất	Tài sản thế chấp	Số dư 31/12/2012 VND
Hợp đồng số 143/2004/HĐTD- QĐT-TD ngày 09/03/2004	Thanh toán 90% tiền mua 112 chiếc xe buýt	10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.	Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của 04 ngân hàng thương mại quốc doanh cộng phí quản lý 1,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay	7.232.543.273
Hợp đồng số 177/2004/HĐTD- QDĐT-TD ngày 17/05/2004	Mua 200 xe buýt phục vụ đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân	10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.	Lãi suất 0% cộng phí quản lý 0,07%/tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay	25.016.206.000
Hợp đồng số 195/2004/HĐTD – QĐT-TD ngày 17/06/2004	Thanh toán 90% tiền mua 74 chiếc xe buýt	10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.	Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của 04 ngân hàng thương mại quốc doanh cộng phí quản lý 1,2%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay	4.461.349.317
Hợp đồng số 253/2004/HĐTD- QTD-TD ngày 19/10/2004	Thanh toán 90% tiền mua 76 chiếc xe buýt	10 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên	Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của 04 ngân hàng thương mại quốc doanh cộng phí quản lý	Tài sản hình thành từ vốn vay	5.869.090.542

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hợp đồng vay	Mục đích vay	Thời hạn trả nợ	Lãi suất	Tài sản thế chấp	Số dư 31/12/2012 VND
Hợp đồng số 191/2005/HĐTD-QĐT-TD ngày 06/10/2005	Đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt TP.HCM giai đoạn 2002-2003	10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1,2%/năm Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (loại trả lãi sau) của Sở giao dịch II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng 1,5% phí quản lý.	Tài sản hình thành từ vốn vay	106.013.373.256
Hợp đồng số 199/2006/HĐTD-QĐT-TD ngày 27/04/2006	Mua 200 xe buýt	10 năm kể từ 19/03/2004	0%/năm theo quyết định số 2486/QĐ-UB ngày 01/06/2004	Tài sản hình thành từ vốn vay	40.187.388.000
Hợp đồng số 41/2007/HĐTD-QĐT-TD ngày 26/03/2007	Mua 100 xe buýt phục vụ đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân	10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0% cộng phí quản lý 0,07%/tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay	12.659.009.000
Hợp đồng số 46/2007/HĐTD-QĐT-TD ngày 29/03/2007	Đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Tp-HCM giai đoạn 2002-2003 (1318 xe buýt)	10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của 04 ngân hàng thương mại quốc doanh cộng phí quản lý 2%/năm	Thế chấp quyền được nhận số tiền bảo hiểm vật chất cho tài sản hình thành từ vốn vay	39.904.886.517
Hợp đồng số 168/2011/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 22/07/2011	Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong VT hành khách công cộng tại TP HCM (giai đoạn 1)	10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi vay sẽ được ngân sách hỗ trợ 100%.	Tài sản hình thành từ vốn vay	31.597.488.000
					<b>272.941.333.905</b>

Chi tiết Nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Hợp đồng vay	Nợ gốc vay 31/12/2012 VND	Nợ dài hạn đến hạn trả năm 2012 VND
143/2004/HĐTD-QĐT-TD ngày 09/03/2004	7.232.543.273	6.416.502.966
177/2004/HĐTD-QĐT-TD ngày 17/05/2004	25.016.206.000	15.723.132.000
195/2004/HĐTD-QĐT-TD ngày 17/06/2004	4.461.349.317	4.385.511.388
253/2004/HĐTD-QĐT-TD ngày 19/10/2004	5.869.090.542	5.178.660.368
191/2005/HĐTD-QĐT-TD ngày 06/10/2005	106.013.373.256	47.021.894.776
199/2006/HĐTD-QĐT-TD ngày 27/04/2006	40.187.388.000	26.791.592.000
41/2007/HĐTD-QĐT-TD ngày 26/03/2007	12.659.009.000	7.233.600.000
46/2007/HĐTD-QĐT-TD ngày 29/03/2007	39.904.886.517	20.727.863.296
168/2011/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 22/07/2011	31.597.488.000	5.495.216.000
	<b>272.941.333.905</b>	<b>138.973.972.794</b>

Theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 22/01/2003, Quyết định số 990/QĐ-UB ngày 19/03/2003 và Quyết định số 1690/QĐ-UB ngày 20/04/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án "Đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002 - 2003", Công ty vay từ Quỹ đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án, đồng thời chuyển nhượng quyền khai thác xe buýt cho Liên hiệp hợp tác xã vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Hai công ty này có trách nhiệm trả nợ vốn vay và lãi vay quy định cho Công ty theo hợp đồng ký kết giữa Công ty và Quỹ đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo số lượng xe được phân bổ.

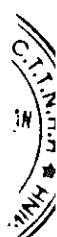
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
 Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số lượng xe được phân bổ cho từng đơn vị như sau:

	<b>Số lượng</b> (xe)
Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn	358
Liên hiệp Hợp tác xã Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	653
Công ty TNHH Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	307
	<b><u>1.318</u></b>

Chi tiết nợ gốc vay dài hạn theo từng đơn vị:

Hợp đồng vay		Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn VND	Liên hiệp hợp tác xã vận tải TP.Hồ Chí Minh VND	Công ty TNHH Vận tải TP.Hồ Chí Minh VND	Số dư nợ vay 31/12/2012 VND
143/2004/HĐTD-QĐT-TD	09/03/2004	2.487.431.506	4.072.245.479	672.866.288	7.232.543.273
177/2004/HĐTD-QĐT-TD	17/05/2004	25.016.206.000	-	-	25.016.206.000
195/2004/HĐTD-QĐT-TD	17/06/2004	-	4.461.349.317	-	4.461.349.317
253/2004/HĐTD-QĐT-TD	19/10/2004	-	4.150.065.542	1.719.025.000	5.869.090.542
191/2005/HĐTD-QĐT-TD	06/10/2005	12.718.753.822	37.363.335.029	55.931.284.405	106.013.373.256
199/2006/HĐTD-QĐT-TD	27/04/2006	40.187.388.000	-	-	40.187.388.000
41/2007/HĐTD-QĐT-TD	26/03/2007	12.659.009.000	-	-	12.659.009.000
46/2007/HĐTD-QĐT-TD	29/03/2007	10.705.483.893	12.218.527.400	16.980.875.224	39.904.886.517
168/2011/HĐTD-QĐT-TD	22/07/2011	31.597.488.000	-	-	31.597.488.000
		<b><u>135.371.760.221</u></b>	<b><u>62.265.522.767</u></b>	<b><u>75.304.050.917</u></b>	<b><u>272.941.333.905</u></b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN**  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.21	Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Tổng cộng VND
	Số dư 01/01/2011	109.335.618.863	4.898.458.768	2.175.208.887	1.757.526.716	33.592.278.533	151.759.091.767
	Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	2.174.266.425	-	2.174.266.425
	Tăng vốn từ lợi nhuận	1.060.402.247	-	-	(1.060.402.247)	-	-
	Phân phối quỹ	-	-	307.071.000	(307.071.000)	-	-
	Trích Quỹ KTPL-BĐH	-	-	-	(1.703.236.760)	-	(1.703.236.760)
	Nhận vốn đầu tư XDCB	-	-	-	(812.833.133)	-	13.973.613.505
	Giảm thuế TNDN 2010	-	-	-	(48.250.000)	-	(812.833.134)
	Nợ phạt hành chính	-	-	-	-	-	(48.250.000)
	<b>Số dư 31/12/2011</b>	<b>110.396.021.110</b>	<b>4.898.458.768</b>	<b>2.482.279.887</b>	<b>47.565.892.038</b>	<b>47.565.892.038</b>	<b>165.342.651.803</b>
	Số dư 01/01/2012	110.396.021.110	4.898.458.768	2.482.279.887	-	47.565.892.038	165.342.651.803
	Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	11.573.872.582	-	11.573.872.582
	Tăng vốn từ lợi nhuận	3.543.363.699	-	-	(3.543.363.699)	-	-
	Phân phối quỹ	-	-	1.001.440.800	(1.001.440.800)	-	-
	Trích Quỹ KTPL-BĐH	-	-	-	(5.469.603.022)	-	(5.469.603.022)
	Phân loại nguồn vốn	52.464.350.806	(4.898.458.768)	-	-	-	-
	Điều chỉnh theo CCTCDN năm 2011	1.266.973.845	-	203.717.187	(1.559.465.061)	-	(88.774.029)
	<b>Số dư 31/12/2012</b>	<b>167.670.709.460</b>	<b>-</b>	<b>3.687.437.874</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>171.358.147.334</b>

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 11 năm 2011, vốn điều lệ của công ty là 185.000.000.000 đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu dịch vụ		
• Vận tải hành khách công cộng (có trợ giá) (*)	533.907.587.390	488.016.803.613
• Đưa rước học sinh (không trợ giá)	5.487.290.819	-
• Xe chạy hợp đồng	21.199.141.681	34.834.523.443
• Xe liên vận quốc tế	37.862.450.000	32.343.990.000
• Du lịch lữ hành	22.407.182.774	21.545.062.985
Doanh thu khác	0	
• Kinh doanh nhiên liệu	0	157.202.053.954
• Hoạt động đóng thùng xe	10.100.000.001	6.105.679.721
• Hoạt động khác	5.454.092.696	6.085.515.097
	<u>636.417.745.361</u>	<u>746.133.628.813</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>636.417.745.361</u></b>	<b><u>746.133.628.813</u></b>

(\*) Chi tiết doanh thu vận tải hành khách công cộng năm 2012 như sau:

	Doanh thu VND	Trợ giá VND	Cộng VND
• Hoạt động xe buýt	162.456.718.450	312.306.451.438	474.763.169.888
• Đưa rước công nhân	43.362.118.633	15.782.298.869	59.144.417.502
	<b>205.818.837.083</b>	<b>328.088.750.307</b>	<b>533.907.587.390</b>

Theo quyết định số 23/2012/QĐ-UBND thành phố Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 6 năm 2012 về việc ban hành đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 1 tháng 10 năm 2011.

Doanh thu trợ giá đối với dịch vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 vẫn được ghi nhận theo quyết định số 20/2011/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2011 về việc đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt. Khi có hướng dẫn cụ thể Công ty sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012 theo biên bản quyết toán chính thức với Trung tâm Điều hành Vận tải Hành khách Công cộng thành phố Hồ Chí Minh vào các niên độ tài chính sau.

#### 5.2 Giá vốn

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn dịch vụ		
• Hoạt động xe buýt	404.145.192.899	369.528.517.718
• Đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân	57.907.860.799	37.898.447.165
• Xe chạy hợp đồng, giải tỏa	18.328.822.052	30.663.309.882
• Xe liên vận quốc tế	11.305.687.634	15.237.085.439
• Du lịch lữ hành	22.138.373.821	20.133.889.649
Giá vốn khác		
• Kinh doanh nhiên liệu	-	156.476.877.324
• Hoạt động đóng thùng xe	9.726.414.119	5.836.894.917
• Hoạt động khác	3.534.986.769	5.243.372.028
	<u>527.087.338.093</u>	<u>641.018.394.122</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết giá vốn :	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	253.713.966.514	395.879.365.006
Chi phí nhân viên	164.012.511.233	148.666.361.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.096.698.492	67.794.074.745
Chi phí tổ chức tour du lịch lữ hành	17.905.479.487	17.139.288.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.745.208.576	10.848.350.241
Chi phí khác bằng tiền	613.473.791	690.953.226
	<b>527.087.338.093</b>	<b>641.018.394.122</b>
<b>5.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	300.694.106	255.326.386
Khác	-	10.621.500
	<b>300.694.106</b>	<b>265.947.886</b>
<b>5.4 Chi phí tài chính</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Chi phí lãi vay	11.097.693.648	12.698.063.124
Chi phí khác	-	1.365.922.062
Lãi mua hàng trả chậm	-	390.407.860
	<b>11.097.693.648</b>	<b>14.454.393.046</b>
<b>5.1 Chi phí bán hàng</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Phí cầu đường	1.528.522.264	1.491.447.740
Phí bến bãi	2.597.044.004	2.088.788.112
Hoa hồng thuê xe	4.497.683.505	3.028.746.970
Chi phí thuê quầy vé	1.694.082.200	1.480.718.200
Chi phí nước uống, khăn tuyến Campuchia	743.858.377	583.769.095
Chi phí phà, cầu đường xe tuyến Campuchia	13.639.916.931	10.370.678.859
	<b>24.701.107.281</b>	<b>19.044.148.976</b>
<b>5.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Chi phí nhân viên	26.317.621.670	24.677.041.318
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.181.997.408	1.054.704.992
Chi phí khấu hao	7.279.722.082	7.656.719.831
Thuế, phí và lệ phí	18.000.000	11.000.000
Chi phí dự phòng	195.532.515	2.180.702.644
Thuế GTGT không được khấu trừ	20.450.878.751	27.693.083.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.479.905.727	7.445.317.538
Chi phí khác bằng tiền	8.177.897.237	6.756.797.369
	<b>73.101.555.390</b>	<b>77.475.367.297</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>5.5 Thu nhập khác</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Thu thanh lý tài sản	5.643.636.366	2.801.454.547
Thu nhập cho thuê mặt bằng	12.153.841.607	8.420.884.013
Thu nhập từ quảng cáo trên xe buýt	845.454.546	2.914.080.000
Thu nhập bán phế liệu	236.171.818	304.067.273
Hoa hồng bán vé	292.645.500	443.000.460
Khác	2.033.136.688	1.995.819.334
	<b><u>21.204.886.525</u></b>	<b><u>16.879.305.627</u></b>
<b>5.6 Chi phí khác</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	2.461.638.450	1.442.245.217
Chi phí thanh lý tài sản	4.814.388	10.992.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê	1.189.876.704	845.282.238
Tiền thuê đất	912.311.400	140.968.028
Tiền công bán vé tập	209.032.500	316.428.900
Khác	1.329.782.330	1.069.627.240
	<b><u>6.107.455.772</u></b>	<b><u>3.825.543.790</u></b>
<b>5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế theo kế toán</b>	<b>15.828.175.808</b>	<b>7.461.035.095</b>
Các khoản tăng/(giảm) khi xác định lợi nhuận tính thuế	1.189.037.095	13.686.039.583
<i>Chi phí không chứng từ hợp lệ</i>	<i>1.018.660.000</i>	<i>6.766.609.122</i>
<i>Chi phí phạt hành chính</i>	<i>93.401.379</i>	<i>206.503.112</i>
<i>Phụ cấp HĐTV không trực tiếp điều hành</i>	<i>76.975.716</i>	<i>134.281.381</i>
<i>Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư năm 2009</i>	<i>-</i>	<i>6.578.645.968</i>
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>17.017.212.903</b>	<b>21.147.074.678</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>4.254.303.226</u></b>	<b><u>5.286.768.670</u></b>
<b>5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	256.895.963.922	396.934.069.998
Chi phí nhân công	190.330.132.903	173.343.403.241
Chi phí khấu hao	81.376.420.574	75.450.794.576
Chi phí dự phòng	195.532.515	2.180.702.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.684.679.702	35.432.956.760
Chi phí khác bằng tiền	52.407.271.148	54.195.983.176
	<b><u>624.890.000.764</u></b>	<b><u>738.089.639.195</u></b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE KHÁCH SÀI GÒN  
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

**6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ phát sinh và số dư với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Bán xe và thu tiền	6.069.000.000
	Đưa rước nhân viên – An Lạc	672.116.000
	Thu tiền đưa rước	795.067.600
	Lãi tiền ký quỹ	64.079.052
	Lãi vay	331.277.778
	Mua vật tư	3.310.340.605
	Thanh toán nợ vay	13.000.000.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Ký quỹ thuê bến bãi	14.048.125
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Ký quỹ thuê bến bãi	26.562.500
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Ký quỹ thuê bến bãi	22.720.950

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Phải thu /(Phải trả)	VND
Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Phải thu tiền KQ bảo lãnh	2.747.608.000
	Phải thu tiền ứng trước	16.198.499
	Phải thu tiền lãi ký quỹ	12.492.246
	Phải thu tiền đưa rước NV	51.738.000
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Phải thu tiền ký quỹ	55.058.125
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Phải thu tiền ký quỹ	46.400.000
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Phải thu tiền ký quỹ	54.990.000


**6.2 Hợp đồng thuê đất**

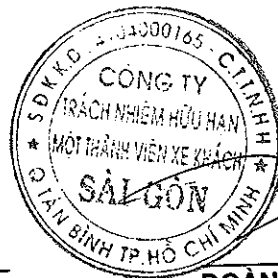
	Tổng diện tích đất thuê	Diện tích đất được miễn tiền thuê đất	Diện tích đất cho thuê lại	Thời hạn thuê đất
	m2	m2	m2	năm
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, Q5, TPHCM	774	-	-	50
Số 01 Phạm Hồng Thái, P2, Tân Bình, TPHCM (*)	25.456	25.456	-	50
Số 592 Cộng Hòa, F13, Tân Bình, TPHCM (*)	6.796	6.799	-	50
Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q3, TPHCM	619	-	-	
Số 439 Phan Văn Trị, Gò Vấp, TPHCM	7.214	6.881	333	10
Số 343/20 Lạc Long Quân, P5, Q11, TPHCM	30.512	20.712	9.800	40

(\*) Các khu đất thuê của Nhà nước tại địa bàn quận Tân Bình, hiện đang chờ Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh cấp quyết định miễn tiền thuê đất theo Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng.

### 6.3 Thông tin khác

Theo số liệu tại Bảng Cân đối kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư tài sản ngắn hạn là 144.660.686.785 VND, số dư nợ ngắn hạn là 248.924.381.587 VND, theo báo cáo này Công ty có số dư nợ ngắn hạn phải trả lớn số dư nợ tài sản ngắn hạn là 104.263.694.802 VND, điều này sẽ làm cho Công ty gặp khó khăn khi thanh toán nợ đến hạn. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ tìm nguồn tài trợ thích hợp để thanh toán nợ đến hạn.

  
\_\_\_\_\_  
**TRẦN TUYẾT NHUNG**  
Kế toán trưởng



  
\_\_\_\_\_  
**ĐOÀN MINH TÂM**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2013